

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2021/HNGĐ-ST, ngày 07/10/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Mậu Thị H, sinh năm 1975**

Địa chỉ: Số nhà 105, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Cán bộ Chi nhánh Ngân hàng T

Vắng mặt (chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn: Anh Phạm T, sinh năm 1970**

Địa chỉ: Số nhà 105, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Cán bộ Ban chỉ huy Quân sự T

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Mậu Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm T có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/11/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ 01, phường T, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường

xảy ra mâu thuẫn, chị và anh T vẫn sống trong cùng một nhà nhưng thực tế vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Phạm T có 02 con chung tên là Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 và Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008. Hiện nay cháu Phạm Lê H1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phạm Lê M đang học lớp 8, chị H có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M sau khi vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung (đối với cháu M) với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H xác nhận chị và anh T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị H xác nhận chị và anh T không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm T trình bày:

Anh và chị Mậu Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/11/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại tổ 01, phường T, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, anh thường ở lại đơn vị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được thuận tình ly hôn với chị Mậu Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 và Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008. Anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Lê M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; cháu Phạm Lê H1, hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung (đối với cháu M).

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung và tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Anh và chị H không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các đương sự đều nhất trí với các tài liệu, chứng cứ; nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị thuận tình ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; vay nợ chung không có; nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008, cháu Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 đã trưởng thành nên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để ra giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường T, thành phố T. Chị H và anh T đã sống ly thân, từ lâu anh T sống ở đơn vị, không ở nhà, chị H và con ở tại gia đình. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 và Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008. Chị H và anh T có nhà đất ở địa phương, không có vay nợ chung.

Chị Mầu Thị H là cán bộ tín dụng thuộc Chi nhánh Ngân hàng T, mức thu nhập bình quân 12.611.000 đồng/tháng.

Anh Phạm T là cán bộ (không làm công tác chuyên môn) tại T Ban chỉ huy Quân sự T (đang nghỉ chờ chế độ hưu), mức thu nhập bình quân 18.312.100 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, chị Mầu Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Phạm T; chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; cháu Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Phạm T cũng giữ nguyên ý kiến về việc nhất trí ly hôn với chị Mầu Thị H vì mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn được; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008 sau ly hôn, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T trình bày về lý do xin nuôi con chung: Sau khi ly hôn, anh có hướng về Hà Nội làm thêm, nếu cháu M ở với anh, anh sẽ đưa cháu M về Hà Nội để học tập vì anh có nhà anh trai của anh sống ở Hà Nội và học tập ở Hà Nội tốt hơn; nếu chị H được nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung như ý kiến của chị H, anh sẽ cho cháu M tiền đóng học khi cháu có nhu cầu, còn anh không đưa tiền cho chị H. Đối với cháu Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T cũng xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không có vay nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mầu Thị H về việc xin ly hôn anh Phạm T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008 cho chị Mầu Thị H trông nom, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Mầu Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; anh Phạm T phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 07/10/2022, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; nguyên đơn và bị đơn đều đã đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các đương sự đều đã được nhận các văn bản tố tụng và không ai có ý kiến gì thắc mắc, khiếu nại.

Chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/11/2001. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống tại tổ 01, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống không hạnh phúc, hiện nay chị H và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa và đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mầu Thị H xin ly hôn anh Phạm T.

[3] Về con chung: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T có 02 con chung là là Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 và Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành nên chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu M hiện đang học lớp 8 trường Trung học cơ sở L, thành phố T, xét nguyện vọng của cháu M về việc sau khi chị H và anh T ly hôn, cháu M muốn ở với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý của con trẻ, HĐXX thấy giao cháu M cho chị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Chị H yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (đối với cháu M) với

mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022; xét thu nhập thực tế của anh T và nhu cầu sinh hoạt, học tập của cháu M thì mức cấp dưỡng này có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T đều xác định vợ chồng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Mầu Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Phạm T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mầu Thị H về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mầu Thị H được ly hôn anh Phạm T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê M, sinh ngày 07/10/2008 cho chị Mầu Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022; Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Con chung Phạm Lê H1, sinh ngày 06/9/2002 đã trưởng thành nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Chị Mầu Thị H và anh Phạm T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Mầu Thị H phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp

là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000053 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Mậu Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang